

I. Hồ Gươm

1. Giới thiệu chung:

- **Vị trí:** Nằm ở phường Hoàn Kiếm, trung tâm thành phố Hà Nội với diện tích khoảng 12 ha.

- Vai trò:

+ Biểu tượng của Hà Nội: Hồ Gươm là biểu tượng trường tồn của thủ đô, gắn liền với lịch sử và văn hóa của người dân Hà Nội.

+ Biểu tượng lịch sử và văn hóa: Hồ đại diện cho tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc và khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam.

+ Trung tâm văn hóa: Nằm ở trung tâm thủ đô, hồ là không gian mở cho các hoạt động văn hóa, thu hút nhiều văn nghệ sĩ lấy cảm hứng sáng tạo.

+ Điểm du lịch quan trọng: Hồ Gươm là một trong những điểm đến thu hút du lịch nổi tiếng ở Việt Nam.

- Đặc điểm nổi bật:

- Hồ Gươm nằm giữa trung tâm Hà Nội, được xem là trái tim của Thủ đô, nơi kết nối quá khứ và hiện tại. Hồ có diện tích khoảng 12 ha, với mặt nước xanh biếc quanh năm, được bao bọc bởi hàng cây cổ thụ, ghé đá và những con đường nhỏ rợp bóng mát – tạo nên một không gian yên bình giữa lòng đô thị sôi động.

- Trên mặt hồ nổi lên Tháp Rùa – công trình biểu tượng của Hà Nội, xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, mang đậm phong cách kiến trúc giao thoa Á – Âu. Ngoài ra, khu vực hồ còn có Tháp Bút, Đài Nghiên, Cầu Thê Húc, Đèn Ngọc Sơn, tất cả hòa quyện trong một tổng thể kiến trúc cổ kính, thanh nhã. Mỗi công trình đều gắn liền với lịch sử, văn học và tinh thần dân tộc, thể hiện niềm tự hào của người Việt qua nhiều thế hệ.

- Điểm đặc biệt của Hồ Gươm không chỉ nằm ở cảnh quan đẹp mà còn ở sự gắn bó với đời sống người dân Hà Nội: nơi đây diễn ra các hoạt động văn hóa, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng, và là không gian để người dân tìm về sự tĩnh lặng, hoài niệm. Nhờ đó, Hồ Gươm trở thành biểu tượng văn hóa – tâm linh, vừa gần gũi, vừa thiêng liêng trong tâm thức người Việt.

2. Lịch sử hình thành:

- Cách đây khoảng 6 thế kỷ, dựa theo bản đồ thời Hồng Đức thì phần lớn xung quanh kinh thành khi ấy là nước. Hồ Hoàn Kiếm là một phần lưu sông Hồng chảy qua vị trí của

các phố ngày nay như Hàng Đào, Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Hàng Chuối. Tiếp đó đổ ra nhánh chính của sông Hồng. Nơi rộng nhất phân lưu này hình thành nên hồ Hoàn Kiếm hiện nay.

- Thời Lê Trung Hưng (thế kỷ 16), khi chúa Trịnh cho chỉnh trang Hoàng thành Thăng Long để vua Lê ở đã đồng thời xây dựng phủ chúa riêng nằm ngay bên ngoài Hoàng thành. Phủ Chúa trở thành một cơ quan trung ương thời bấy giờ với những công trình kiến trúc xa hoa như lầu Ngũ Long (dùng để duyệt quân) nằm ở bờ Đông hồ Hoàn Kiếm, đình Tả Vọng trên đảo Ngọc Sơn. Năm 1728 Trịnh Giang cho đào hầm ở vị trí phía Nam hồ để xây dựng cung điện ngầm gọi là Thưởng Trì cung.

- Chúa Trịnh cho ngăn hồ lớn thành hồ Tả Vọng và Hữu Vọng. Hồ Hữu Vọng được dùng làm nơi duyệt quân thủy chiến của triều đình. Đến đời Tự Đức (1847-1883), hồ Hữu Vọng được gọi là hồ Thủy Quân, còn hồ Tả Vọng chính là hồ Hoàn Kiếm. Từ năm 1884, nhà nước bảo hộ Pháp cho lấp hồ Thủy Quân để xây dựng, mở mang Hà Nội.

3. Giá trị văn hoá

- Hồ Gươm là không gian văn hoá đặc trưng của Thủ đô Hà Nội, nơi lưu giữ ký ức và tinh thần của người dân Tràng An. Nơi đây không chỉ là biểu tượng về cảnh quan mà còn là điểm hội tụ các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, văn nghệ, lễ hội và du lịch. Hình ảnh Hồ Gươm đã đi vào thi ca, âm nhạc, hội họa, trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo và biểu tượng cho vẻ đẹp thanh lịch, yên bình của Hà Nội. Với vai trò là “trái tim của Thủ đô”, Hồ Gươm góp phần thể hiện bản sắc văn hoá, lối sống và tâm hồn người Việt Nam hiện đại gắn liền với truyền thống ngàn năm văn hiến.

4. Kiến trúc cảnh quan

- Hồ Gươm nằm giữa trung tâm Thủ đô Hà Nội, là không gian giao hòa giữa thiên nhiên và kiến trúc đô thị cổ. Giữa lòng hồ nổi bật Tháp Rùa, công trình nhỏ mang phong cách kiến trúc kết hợp giữa cổ truyền Việt Nam và ảnh hưởng phương Tây thời Pháp thuộc, tạo điểm nhấn độc đáo giữa mặt nước trong xanh. Phía Bắc hồ là Đèn Ngọc Sơn, được xây dựng theo lối kiến trúc truyền thống với mái cong, sơn son thếp vàng, cùng nhiều chi tiết chạm khắc tinh xảo. Nối từ bờ vào đèn là Cầu Thê Húc sơn đỏ, dáng cong mềm mại, tượng trưng cho ánh sáng ban mai, dẫn vào không gian linh thiêng giữa lòng thành phố.

- Bên cạnh đó, Tháp Bút, Đài Nghiên và Đình Trần Ba tạo nên quần thể kiến trúc hài hòa, phản ánh tinh thần hiếu học và tri thức của người Việt. Bao quanh hồ là những hàng cây cổ thụ, vỉa hè lát đá, ghế nghỉ và phố cổ, tạo nên khung cảnh yên bình, thơ mộng, mang đậm nét duyên dáng của Hà Nội xưa. Nhờ sự kết hợp hài hòa giữa cảnh quan tự nhiên và

giá trị văn hoá – lịch sử, Hồ Gươm trở thành không gian mang tính biểu tượng của Thủ đô.

5. Giai thoại

- Truyền thuyết kể rằng vua Lê Lợi được Thần Kim Quy ban cho thanh gươm thần mang tên “Thuận Thiên”. Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, thanh gươm giúp vua Lê Lợi giành chiến thắng. Khi hoàn thành sứ mệnh, Rùa Thần xuất hiện nhận lại thanh gươm. Từ đó hồ mang tên Hoàn Kiếm, biểu tượng cho tinh thần yêu nước và đạo lý trọng nghĩa của dân tộc.

- Một chi tiết thú vị là người dân từng nhiều lần thấy Rùa Hồ Gươm nổi lên mặt nước, được coi là điềm lành, càng làm truyền thuyết thêm phần huyền bí.

6. Ngôn ngữ/ cảm xúc

- Phong cách diễn đạt: Giọng nói nhẹ nhàng, sâu lắng và mang chút hoài niệm; phù hợp với vai hướng dẫn viên hoặc nhân vật kể chuyện am hiểu về Hà Nội.

- Sắc thái cảm xúc: Trang trọng nhưng gần gũi, gợi cảm giác yên bình, tự hào và trân trọng giá trị lịch sử – văn hoá của Thủ đô.

- Cách thể hiện: Tốc độ nói chậm rãi, ngữ điệu ám áp; dùng nhiều từ gợi hình và cảm xúc như “trầm mặc”, “lung linh”, “thanh bình”, “huyền ảo”.

- Mục đích truyền tải: Giúp người nghe cảm nhận được vẻ đẹp cổ kính và linh thiêng của Hồ Gươm, đồng thời khơi gợi tình yêu Hà Nội và niềm tự hào dân tộc.

II. 36 phố phường

1. Giới thiệu chung.

- Vị trí:

- khu Phố cổ Hà nội có phạm vi được xác định: phía Bắc là phố Hàng Đậu; phía Tây là phố Phùng Hưng; phía Nam là các phố Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng; phía Đông đường Trần Quang Khải và đường Trần Nhật Duật.

- Khu phố cổ Hà Nội thuộc địa bàn phường Hoàn Kiếm tổng diện tích khoảng 100 ha, có 76 tuyến phố thuộc phần lớn phường này.

- Mặc dù các phố cổ của Hà Nội còn nằm cả bên ngoài khu vực này ở các phường khác như Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng; nhưng do đây là khu vực tập trung phố cổ nhiều

nhất và còn giữ được những đặc trưng nên chỉ khu vực theo quy định trên được gìn giữ, bảo tồn là khu phố cổ.

- Vai trò:

- Bảo tồn di sản văn hóa: Là một di sản văn hóa quý báu, nơi lưu giữ và phát huy những giá trị lịch sử, kiến trúc và văn hóa phi vật thể của Hà Nội ngàn năm văn hiến.
- Trung tâm kinh tế-văn hóa: Từng là trung tâm giao thương sầm uất, chuyên về sản xuất thủ công và buôn bán, tạo ra những con phố nghề đặc trưng. Ngày nay, nơi đây vẫn là điểm thu hút du lịch, đóng góp vào phát triển kinh tế.
- Biểu tượng văn hóa: Trở thành một biểu tượng của Hà Nội, thể hiện qua các tên gọi gắn với chữ "Hàng" và các giá trị phi vật thể như ẩm thực, lễ hội và lối sống sinh hoạt của người dân.

- Đặc điểm nổi bật:

- Là khu phố cổ có lịch sử hình thành lâu đời, phản ánh rõ nét đời sống kinh tế – xã hội của người dân kinh thành Thăng Long xưa.
- Cấu trúc đô thị đặc trưng với những ngôi nhà ống hẹp, mái ngói, mặt tiền hướng ra phố để buôn bán, thể hiện sự thích ứng thông minh của cư dân đô thị cổ.
- Mỗi con phố thường mang tên một mặt hàng hoặc nghề truyền thống (như Hàng Bạc, Hàng Thiếc, Hàng Mã...), cho thấy tính chuyên môn hóa cao của các làng nghề.
- Không gian phố cổ vừa đậm bản sắc Việt Nam, vừa mang ảnh hưởng kiến trúc Pháp qua các công trình được xây dựng thời thuộc địa, tạo nên sự giao thoa độc đáo giữa hai nền văn hoá.
- Khu vực này hiện nay là trung tâm văn hóa – du lịch – ẩm thực của Thủ đô, nổi bật với nhịp sống sôi động, các hoạt động nghệ thuật đường phố và không gian phố đi bộ cuối tuần.

2. Lịch sử hình thành:

- Khu dân cư sinh hoạt và buôn bán sầm uất này đã được hình thành từ thời Lý - Trần, nằm ở phía đông của hoàng thành Thăng Long ra đến sát sông Hồng. Đầu đời Lê, trong sách Dư Địa Chí, Nguyễn Trãi cũng đã đề cập đến tên một số phường nghề tại đây. Dưới thời Lê, đặt phủ Phụng Thiên gồm hai huyện là Vĩnh Thuận và Thọ Xương, thì khu này nằm gọn trong bốn tổng Túc của huyện Thọ Xương là Tiền Túc, Hậu Túc, Tả Túc, Hữu Túc. Bên ngoài khu vực là vòng thành Đại La có trồ các cửa ô.

- Thời Lê, giữa khu này có một số đầm hồ, lớn nhất là hồ Thái Cực. Sông Tô Lịch nối với hào thành, các đầm hồ, thông với hồ Hoàn Kiếm và sông Hồng cũng ở khu vực này. Đến cuối thế kỷ 19 thì các sông hồ đó hoàn toàn bị lấp, nhưng vẫn còn để lại dấu tích qua các địa danh: Hà Khẩu, Giang Khẩu, Cầu Gỗ, Cầu Đông.

- Thời Lý - Trần, dân cư từ các làng quanh đồng bằng Bắc Bộ tụ tập về khu vực này sinh sống, tạo thành khu phố đông đúc nhất kinh thành. Đến đời Lê, dần dần đã có một số Hoa kiều buôn bán ở đây, hình thành nên các khu phố Tàu.

- Thời Pháp thuộc, sau khi lấp toàn bộ các đầm hồ, khu phố được chỉnh trang, người Án, người Pháp cũng đến đây buôn bán. Hai chợ nhỏ được giải tỏa để lập chợ Đồng Xuân, Đường ray xe điện Bờ hồ - Thụy Khuê cũng chạy xuyên qua đây.

- Cho đến nay, đây vẫn là khu buôn bán nhộn nhịp nhất của Hà Nội. Tuyến phố đi bộ cũng được mở tại đây.

3. Giá trị văn hóa

- Khu 36 phố phường là nơi kết tinh những giá trị văn hóa đặc sắc của Thăng Long – Hà Nội, phản ánh rõ nét đời sống kinh tế, xã hội và tinh thần của người dân kinh kỳ suốt nhiều thế kỷ. Mỗi con phố gắn liền với một nghề truyền thống như Hàng Bạc, Hàng Mã, Hàng Đào, Hàng Thiếc..., thể hiện sự sáng tạo, khéo léo và cần cù của người thợ thủ công Việt Nam. Chính cấu trúc “mỗi phố một nghề” đã tạo nên diện mạo độc đáo của khu phố cổ, nơi sinh hoạt buôn bán hòa quyện với không gian sống gia đình.

- Bên cạnh đó, phố cổ Hà Nội còn lưu giữ nhiều tầng văn hóa chồng lớp – từ thời Lý, Trần, Lê đến thời Pháp thuộc – qua kiến trúc nhà ống, mái ngói, sân trong và các ngôi đình, đền, chùa nhỏ nằm xen giữa khu dân cư. Đây không chỉ là không gian sinh hoạt mà còn là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa đô thị cổ truyền, phản ánh mối quan hệ cộng đồng bền chặt giữa những người dân phố nghề.

- Trai qua hàng trăm năm biến động, 36 phố phường vẫn giữ được linh hồn của Hà Nội xưa, trở thành biểu tượng cho bản sắc “Hà thành thanh lịch” – vừa cổ kính, tinh tế, vừa năng động và hội nhập. Khu phố cổ không chỉ là di sản vật thể quý giá, mà còn là nguồn cảm hứng nghệ thuật, văn học và du lịch, giúp kết nối quá khứ với hiện tại, đưa văn hóa Hà Nội lan toả mạnh mẽ hơn trong đời sống đương đại.

4. Kiến trúc cảnh quan

- Khu 36 phố phường mang đặc trưng kiến trúc đô thị cổ truyền độc đáo, được hình thành từ quá trình phát triển lâu dài của Thăng Long – Hà Nội. Mỗi con phố là sự kết hợp hài hòa giữa nhà ở, nơi sản xuất và không gian buôn bán, tạo nên dạng “nhà ống” đặc trưng:

mặt tiền hẹp nhưng kéo sâu vào trong, phù hợp với điều kiện đất đai và mục đích thương mại.

- Các công trình chủ yếu được xây bằng gạch, gỗ, ngói, với mái ngói nâu đỏ, tường vôi vàng, cửa gỗ và ban công nhỏ, thể hiện nét giản dị nhưng tinh tế của kiến trúc truyền thống Việt Nam. Xen giữa khu dân cư là đình, đền, chùa, miếu – nơi sinh hoạt tâm linh của cư dân từng phô nghề, như Đền Kim Ngân (Hàng Bạc), Đền Bạch Mã (Hàng Buồm)... Những công trình này tạo nên mạng lưới không gian văn hóa – tín ngưỡng đan xen, giúp duy trì bản sắc cộng đồng trong lòng đô thị.

- Trong thời Pháp thuộc, nhiều ngôi nhà được cải tạo hoặc xây mới theo phong cách kiến trúc Pháp với ban công sắt, cửa vòm, họa tiết trang trí cầu kỳ, tạo nên sự giao thoa Đông - Tây đặc sắc. Nhờ đó, khu phố cổ không chỉ phản ánh lịch sử phát triển đô thị mà còn là minh chứng cho khả năng thích nghi và tiếp biến văn hóa của người Hà Nội qua từng giai đoạn.

- Ngày nay, dù nhiều công trình đã được tu sửa, 36 phố phường vẫn giữ được bối cảnh đường phố nhỏ hẹp, uốn lượn, xen kẽ các ngôi nhà cổ – tạo nên cảnh quan vừa thân quen, vừa trầm mặc. Đây là một di sản kiến trúc sống, tái hiện sinh động hình ảnh Hà Nội xưa giữa lòng đô thị hiện đại.

5. Giai thoại

- Tên gọi “Ba mươi sáu phố phường” bắt nguồn từ thời Lê, khi khu vực này tập trung 36 phố nghè thủ công nằm quanh kinh thành Thăng Long. Mỗi phố đều có tên bắt đầu bằng chữ “Hàng”, tượng trưng cho mặt hàng đặc trưng mà cư dân nơi đó sản xuất hoặc buôn bán. Chẳng hạn, phố Hàng Đào nổi tiếng với nghề nhuộm và buôn vải đỏ, Hàng Mã chuyên làm đồ vàng mã cho tế lễ, Hàng Thiếc làm hộp và đồ kim khí, còn Hàng Bạc là nơi đúc bạc, khâm bạc tinh xảo.

- Một trong những câu chuyện truyền miệng thú vị là về Đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm, ngôi đền cổ nhất Thăng Long. Tương truyền, khi vua Lý Thái Tổ xây thành mà cù bị sụp, thần Bạch Mã – hóa thân của Long Thần – đã hiện lên giúp chỉ đường xây thành đúng hướng, giữ cho kinh thành vững bền. Từ đó, Đền Bạch Mã trở thành một trong Tứ trấn Thăng Long, bảo hộ cho toàn khu phố cổ.

- Ngoài ra, người Hà Nội xưa còn có câu “Chẳng thơm cũng thề hoa nhài, dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An” – dùng để nói về nét duyên dáng, nho nhã và tinh tế của con người nơi 36 phố phường. Những câu chuyện, giai thoại và tập quán buôn bán nơi đây đã trở thành phần ký ức sống động trong tâm thức người Hà Nội, làm nên sức hấp dẫn riêng mà không nơi nào có được.

6. Ngôn ngữ/ cảm xúc

- Ngôn ngữ của người 36 phố phường mang đậm phong thái Tràng An thanh lịch, tinh tế và nhã nhặn. Họ nói chậm rãi, rõ ràng, dùng từ lựa lời, thể hiện sự tôn trọng và duyên dáng trong giao tiếp. Cách xưng hô gần gũi, giàu tình cảm, phản ánh nếp sống lễ nghĩa của người Hà Nội xưa.
- Cảm xúc chủ đạo là sự hoài niệm và tự hào về quá khứ, về những nghề cổ và giá trị truyền thống. Trong giọng nói luôn toát lên vẻ ấm áp, nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, tạo nên nét riêng không thể lẫn của con người phố cổ Hà Nội.

III. Văn Miếu

1. Giới thiệu chung:

- Vị trí: Văn Miếu Quốc Tử Giám thường được nhắc đến là ngôi trường đại học đầu tiên ở Việt Nam, nơi chứa đựng những giá trị tinh hoa của đất nước. Hiện nay, vị trí Văn Miếu được đặt tại số 58 Quốc Tử Giám, thuộc quận Đống Đa, thủ đô Hà Nội. Địa điểm này nằm ngay giữa 4 con phố chính bao gồm: Tôn Đức Thắng, Quốc Tử Giám, Nguyễn Thái Học và Văn Miếu.

- Vai trò:

- Văn Miếu – Quốc Tử Giám là trung tâm văn hoá, giáo dục và khoa cử tiêu biểu nhất của Việt Nam thời phong kiến, đồng thời là biểu tượng của truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo của dân tộc. Được xây dựng từ thời Lý Thánh Tông (1070), đây là nơi thờ Khổng Tử và các bậc hiền triết Nho giáo, sau trở thành trường đại học đầu tiên của Việt Nam, đào tạo nhân tài cho triều đình và đất nước.

- Trải qua hơn 900 năm, Văn Miếu không chỉ là dấu tích của một nền giáo dục Nho học rực rỡ, mà còn là minh chứng sống cho tinh thần trọng tri thức, đề cao đạo đức và nhân cách con người Việt Nam. Ngày nay, nơi đây được xem như biểu tượng của tri thức và học vấn, là điểm đến văn hoá – du lịch quan trọng, đồng thời là địa điểm thường được chọn để tôn vinh học sinh, sinh viên xuất sắc.

- Đặc điểm nổi bật:

- Văn Miếu mang đậm phong cách kiến trúc Nho giáo cổ điển phương Đông, bố cục theo trục Bắc – Nam với nhiều lớp sân và cổng, thể hiện rõ tính tôn nghiêm, trật tự và triết lý “thiên – địa – nhân” trong quan niệm Á Đông. Khuôn viên gồm năm khu chính: từ cổng

Văn Miếu Môn, Khuê Văn Các, Hồ Văn, đến các nhà bia Tiên sĩ và khu thờ Khổng Tử cùng các bậc hiền triết.

- Công trình nổi bật nhất là Khuê Văn Các – biểu tượng của trí tuệ và ánh sáng học vấn, được xây dựng bằng gỗ sơn son, mái ngói cong, tám mái đao uốn lượn tinh tế. 82 bia Tiên sĩ khắc tên những người đỗ đại khoa triều Lê – Mặc được đặt trên lưng rùa đá, tượng trưng cho sự trường tồn của tri thức. Tổng thể kiến trúc kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên, hồ nước, sân vườn và công trình cổ, tạo nên không gian thanh tịnh, uy nghi mà sâu lắng.

2. Lịch sử hình thành:

- Văn Miếu – Quốc Tử Giám được xây dựng vào năm 1070 dưới triều vua Lý Thánh Tông, ban đầu là nơi thờ Khổng Tử, Chu Công và các bậc Tiên hiền, đồng thời làm nơi học tập dành cho con em hoàng tộc. Đến năm 1076, vua Lý Nhân Tông tiếp tục cho thành lập Quốc Tử Giám, được xem là trường đại học đầu tiên của Việt Nam, nơi đào tạo nhân tài cho đất nước. Thời kỳ nhà Trần, việc học hành ngày càng phát triển, Quốc Tử Giám mở rộng để thu nhận cả con em thường dân có học lực xuất sắc. Nhiều danh sĩ, học giả nổi tiếng như Chu Văn An đã từng dạy học tại đây, góp phần xây dựng nền giáo dục nước nhà.

- Sang thời Lê sơ, đặc biệt dưới triều Lê Thánh Tông (1484), Nho giáo đạt đến đỉnh cao thịnh vượng. Nhà vua cho dựng bia Tiên sĩ để ghi danh những người đỗ đạt, khuyến khích tinh thần hiếu học và tôn vinh nhân tài. Từ đó, Văn Miếu – Quốc Tử Giám trở thành biểu tượng của truyền thống tôn sư trọng đạo, hiếu học của dân tộc Việt Nam. Dưới các triều đại sau như Lê trung hưng và Nguyễn, nơi đây tiếp tục được tu sửa, mở rộng và giữ vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục phong kiến. Năm 1802, khi vua Gia Long lập Quốc Tử Giám mới ở Huế, Văn Miếu Hà Nội vẫn được bảo tồn như một di tích linh thiêng thờ Khổng Tử và các bậc hiền triết. Đến sau năm 1947, dù bị tàn phá một phần do chiến tranh, Văn Miếu – Quốc Tử Giám đã được trùng tu, bảo tồn và tôn tạo, trở thành di tích lịch sử – văn hóa đặc sắc của Thủ đô Hà Nội, đồng thời là nơi tôn vinh truyền thống học tập, tri thức và đạo đức của dân tộc Việt Nam.

3. Giá trị văn hóa

- Văn Miếu Quốc Tử Giám thể hiện rất rõ nét truyền thống hiếu học của con dân Việt Nam thông qua 82 bia Tiên sĩ là những Trạng nguyên, thám hoa,... được vinh danh với sự nỗ lực xuất sắc trong quá trình “dùi mài kinh sú” của mình. Từ đó, những bậc tiền nhân đi trước sẽ là động lực, tấm gương để thế hệ hôm nay noi theo, vững bước vào tương lai. Ngày nay, Văn Miếu Quốc Tử Giám thường tổ chức hội thơ và khen tặng những học sinh xuất sắc, ưu tú nhất, tiếp nối truyền thống xưa mà cha ông ta đã để lại. Bên cạnh đó, đây

còn là địa điểm tham quan du lịch được nhiều du khách ghé thăm nhất tại thủ đô xứ Hà thành. Ngoài ra, Văn Miếu Quốc Tử Giám còn là nơi “xin chữ” vào những ngày Tết của dân tộc với mong ước được an lành trong năm mới và đỗ đạt các kỳ thi trong năm.

4. Kiến trúc/ cảnh quan

- Văn Miếu Quốc Tử Giám được chia thành 2 phần kiến trúc rõ rệt: Văn Miếu là nơi thờ tự (thờ Khổng Tử), Quốc Tử Giám là khu vực dạy học, được xem là trường học cao cấp đầu tiên xây dựng tại Việt Nam.
- Khuôn viên Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội hiện nay rộng khoảng 54.331 m², được bao bọc bởi những bức gạch vò. Quần thể di tích này gồm nhiều công trình kiến trúc nhỏ khác nhau, được tạo từ bàn tay khéo léo của các nghệ nhân.

- Cảnh quan nơi đây được bài trí thanh tịnh và hài hòa với thiên nhiên, có hồ Văn, giếng Thiên Quang, cùng nhiều cây cổ thụ tạo không gian yên bình, cổ kính. Nổi bật nhất là Khuê Văn Các, biểu tượng của trí tuệ và văn chương, được chọn làm hình ảnh đại diện cho Thủ đô Hà Nội. Tổng thể kiến trúc vừa uy nghi, vừa gần gũi, phản ánh tinh thần hiếu học, tôn vinh tri thức và là minh chứng sống động cho nét đẹp văn hoá – nghệ thuật Việt Nam thời phong kiến.

5. Giai thoại

- Từ xa xưa, Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là nơi học hành mà còn gắn với nhiều giai thoại thiêng liêng về truyền thống hiếu học và sự thành đạt của sĩ tử. Người ta kể rằng, trước mỗi kỳ thi lớn, các nho sinh thường đến đây thắp hương cầu may, mong được “đỗ đạt vinh quy”. Có giai thoại nói rằng, ai chạm tay lên bia tiến sĩ với lòng thành kính sẽ được tổ tiên phù hộ cho học hành tấn tới - tuy nhiên về sau điều này được khuyên tránh để bảo tồn di tích.

- Một giai thoại khác kể rằng, dưới giếng Thiên Quang, nơi soi bóng Khuê Văn Các, có “ánh sáng của sao Khuê” - biểu tượng của văn học, soi rọi con đường học vấn cho người đời. Chính vì thế, Văn Miếu không chỉ là chốn linh thiêng mà còn là biểu tượng của trí tuệ, đạo đức và khát vọng vươn lên bằng con chữ của người Việt.

6. Ngôn ngữ/ cảm xúc

- Ngôn ngữ gắn liền với Văn Miếu – Quốc Tử Giám mang âm hưởng trang trọng, điềm đạm và chuẩn mực, phản ánh tinh thần hiếu học, lễ nghĩa và tôn sư trọng đạo của người Việt xưa. Giọng điệu thường chậm rãi, trầm tĩnh, thể hiện sự kính trọng tri thức và lòng biết ơn đối với thầy cô, tiền nhân.

- Cảm xúc chủ đạo là niềm tự hào và thành kính, xen lẫn chút thiêng liêng, trầm mặc trước không gian cổ kính của học đường xưa. Đó là nơi khiến con người cảm nhận rõ giá trị của tri thức, đạo đức và truyền thống học tập, khơi dậy niềm khát vọng vươn lên bằng con chữ và nhân cách.

IV. Lăng Bác

1. Giới thiệu chung:

- **Vị trí:** Số 2 Hùng Vương, phường Điện Biên, Q. Ba Đình, Hà Nội, nằm tại vị trí lõi đài cũ giữa Quảng trường Ba Đình, nơi ngày xưa Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu các cuộc mít-tinh quan trọng.

- Vai trò:

- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ một vị trí đặc biệt trong đời sống tinh thần và văn hóa của dân tộc Việt Nam. Đây là nơi yên nghỉ vĩnh hằng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu – người đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Không chỉ là một công trình kiến trúc, Lăng Bác còn là biểu tượng thiêng liêng của lòng biết ơn, niềm tôn kính và tình cảm sâu sắc mà nhân dân cả nước, cũng như bạn bè quốc tế, dành cho Người.

- Hàng ngày, hàng vạn lượt người từ khắp mọi miền đất nước và quốc tế đến viếng, thể hiện sự tri ân và kính trọng. Lăng Bác cũng là địa chỉ để giáo dục truyền thống yêu nước, lý tưởng cách mạng và đạo đức Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, nơi đây còn gắn với các nghi lễ trọng đại của quốc gia, là điểm nhấn quan trọng trong không gian văn hóa – chính trị của Thủ đô Hà Nội.

- Đặc điểm nổi bật:

- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh nổi bật bởi giá trị tinh thần và biểu tượng đặc biệt. Công trình thể hiện tấm lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân và tinh thần giản dị mà vĩ đại của Bác Hồ. Không chỉ là nơi an nghỉ của Người, Lăng còn là trung tâm văn hóa – chính trị, nơi gắn kết người dân cả nước trong lòng tự hào và tri ân.

- Điểm đặc biệt là toàn bộ không gian quanh Lăng được quy hoạch hài hòa, tạo nên bầu không khí tĩnh lặng, trang nghiêm nhưng gần gũi, giúp mỗi người khi đến đây đều cảm nhận được sự thiêng liêng và bình yên. Chính sự kết hợp giữa ý nghĩa lịch sử, tinh thần dân tộc và không gian biểu tượng đã khiến Lăng Bác trở thành một địa danh mang tầm vóc quốc gia, đậm dấu ấn trong tâm thức người Việt.

2. Lịch sử hình thành

- Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, với ý nguyện thiết tha của toàn Đảng, toàn dân, trong phiên họp sáng 29/11/1969, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã bàn và quyết định giữ gìn thi hài của Bác và xây dựng Lăng cho Người.
- Ngày 19/01/1970, Thủ tướng Phạm Văn Đồng phê duyệt nhiệm vụ thiết kế Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quyết định số 16/CP. Đây là cột mốc chính thức khởi đầu quá trình hiện thực hóa công trình.
- Tháng 3/1970, Đoàn kiến trúc sư Việt Nam sang Liên Xô để phỏi hợp thiết kế. Qua nhiều phiên làm việc, hai bên đã thống nhất phương án sơ bộ, phù hợp với văn hóa và ý nghĩa của Lăng.
- Ngày 09/02/1971, Hiệp định hợp tác thiết kế và xây dựng Lăng được ký kết giữa hai Chính phủ Việt Nam và Liên Xô, đánh dấu sự hỗ trợ chính thức từ phía Liên Xô.
- Tháng 12/1971, thiết kế kỹ thuật hoàn chỉnh được Bộ Chính trị và Chính phủ Việt Nam phê duyệt.
- Tháng 4/1972, dự án phải tạm dừng vì chiến tranh ác liệt khi Mỹ ném bom miền Bắc.
- Tháng 6/1973, sau Hiệp định Paris, tình hình ổn định hơn, hai Chính phủ ký Nghị định thư về việc Liên Xô tiếp tục hỗ trợ xây dựng Lăng. Quá trình chuẩn bị được khẩn trương đẩy nhanh tiến độ.
- Tháng 8/1974, các bản vẽ thi công cuối cùng được hoàn tất, đánh dấu sự sẵn sàng cho giai đoạn xây dựng hoàn thiện.
- Ngày 29/08/1975, Đảng và Nhà nước tổ chức lễ khánh thành Lăng Chủ tịch, chính thức đưa Người về an nghỉ vĩnh hằng trong lòng Tổ quốc.

3. Giá trị văn hoá

- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng văn hoá thiêng liêng của dân tộc Việt Nam, thể hiện sâu sắc lòng biết ơn, niềm tôn kính và sự gắn bó của nhân dân với vị lãnh tụ vĩ đại. Nơi đây không chỉ lưu giữ hình hài của Bác mà còn gìn giữ tinh thần, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh – những giá trị cốt lõi định hướng cho con người Việt Nam trong suốt tiến trình phát triển đất nước.
- Về phương diện văn hoá – xã hội, Lăng Bác là địa điểm hành hương, tri ân và giáo dục truyền thống. Hàng triệu lượt người đến viếng mỗi năm không chỉ để tưởng nhớ công ơn của Người mà còn để bồi đắp lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm và niềm tự hào dân tộc. Các nghi thức trang nghiêm tại đây, cùng không gian tĩnh lặng và biểu tượng hàng tre

xanh, đã trở thành một phần của văn hoá tưởng niệm và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Việt.

- Không chỉ dừng lại ở phạm vi quốc gia, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có giá trị văn hoá quốc tế, là điểm đến của nhiều nguyên thủ và bạn bè năm châu. Điều đó khẳng định vị thế và tầm ảnh hưởng của văn hoá Việt Nam trong lòng thế giới, thông qua hình ảnh giản dị mà cao quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh – biểu tượng của hoà bình, nhân ái và trí tuệ.

4. Kiến trúc/ cảnh quan

- Khu di tích Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được thiết kế với quy mô ấn tượng dài 320m, rộng 100m và cao 21,6m. Phần nền của công trình được xây dựng dưới dạng bậc thềm tam cấp, trong khi lớp giữa là cấu trúc chính của lăng, bao gồm phòng thi hài, hành lang và cầu thang.

- Trước Lăng Chủ Tịch là Quảng trường Ba Đình với đường điểu binh và 240 ô cỏ xanh muốt, cùng 79 cây vạn tuế tượng trưng cho 79 năm tuổi đời của Bác. Mặt ngoài Lăng lát đá granite xám, nổi bật với hàng cột đá hoa cương và dòng chữ khắc bằng đá hồng màu mận chín “CHỦ TỊCH HỒ-CHÍ-MINH” nổi bật trên đỉnh Lăng. Tiền sảnh của Lăng được ốp đá hoa cương vân đỏ hồng, có ghi thông điệp sâu sắc: "Không có gì quý hơn Độc lập Tự do" và chữ ký dát vàng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là biểu tượng cho tâm huyết cũng như khát vọng của một quốc gia độc lập.

- Đội lính gác Lăng Bác khoác lên mình bộ đồng phục trắng tinh khôi, với điểm nhấn đỏ và vàng, tượng trưng cho lá cờ Tổ quốc. Họ mang trong mình sứ mệnh thiêng liêng bảo vệ an toàn tuyệt đối cho nơi yên nghỉ của vị cha già dân tộc.

5. Giai thoại

- Một trong những câu chuyện cảm động nhất gắn với Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là hành trình gìn giữ thi hài của Người. Sau khi Bác qua đời vào ngày 2/9/1969, giữa thời kỳ đất nước còn chiến tranh, công việc bảo quản thi hài Bác được thực hiện trong điều kiện vô cùng khó khăn. Các chuyên gia Việt Nam cùng với sự giúp đỡ của Liên Xô đã ngày đêm làm việc, vượt qua bom đạn và thiếu thốn để giữ gìn hình hài Bác nguyên vẹn, đúng với nguyện vọng “Bác ở mãi trong lòng dân tộc”.

- Trong những năm kháng chiến, thi hài Bác được di chuyển bí mật qua nhiều địa điểm an toàn ở miền Bắc để tránh bom đạn, nhưng vẫn luôn được bảo quản cẩn thận. Mỗi người tham gia nhiệm vụ đều coi đó là một sứ mệnh thiêng liêng, giữ kín tuyệt đối cho đến khi Lăng được hoàn thành vào năm 1975.

- Khi Lăng chính thức khánh thành, người dân từ khắp mọi miền đất nước đã lặng lẽ xếp hàng dài hàng cây số để được vào viếng Bác. Nhiều cụ già, em nhỏ mang theo bó hoa, lá thư hay chiếc khăn tay – những món quà giản dị nhưng chứa đựng tình cảm chân thành nhất của nhân dân đối với vị cha già dân tộc.

- Đến nay, mỗi buổi sáng tại Quảng trường Ba Đình, lễ thượng cờ và hạ cờ vẫn được tổ chức trang nghiêm, như một cách để người dân thể hiện lòng tôn kính và tưởng nhớ Bác. Câu chuyện về Lăng Bác vì thế không chỉ là một phần của lịch sử, mà còn là biểu tượng sống động của lòng dân, của niềm tự hào và sự biết ơn – những giá trị trường tồn cùng thời gian.

6. Ngôn ngữ/ cảm xúc

- Ngôn ngữ gắn liền với Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mang sắc thái trang nghiêm, chậm rãi và đầy tôn kính. Mỗi lời nói, mỗi hành động tại nơi đây đều toát lên sự kính trọng tuyệt đối đối với Bác Hồ, người đã cống hiến cả cuộc đời cho dân tộc. Giọng điệu thường trầm tĩnh, nhẹ nhàng nhưng dứt khoát, gợi cảm giác thiêng liêng, khiến con người tự khắc lắng lòng khi bước vào không gian này.

- Cảm xúc chủ đạo là niềm biết ơn và tự hào sâu sắc, xen lẫn sự xúc động và bình yên. Không khí nơi Lăng Bác khiến mỗi người như được trở về với nguồn cội tinh thần của dân tộc, cảm nhận rõ giá trị của sự hi sinh, lòng nhân ái và ý chí kiên cường. Đây không chỉ là cảm xúc cá nhân, mà là tình cảm chung của hàng triệu con người, tạo nên một bǎn hoà âm trầm lắng nhưng đầy ý nghĩa về lòng dân và Tổ quốc.